

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT
Ngày: 17-3-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thiện; Ông Bùi Quang Năng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 07/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐXX-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng T; địa chỉ: địa chỉ: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng T - Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Số 88 đường Phan Đình Phùng, phường Tân Giang, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Trần Phú V - Chức vụ: Giám đốc phòng Giao dịch H - Ngân hàng T - chi nhánh Hà Tĩnh. Có mặt

- Bà Trần Thúy A - Chức vụ: Cán bộ quản lý khách hàng phòng Giao dịch H - Ngân hàng T - chi nhánh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Bị đơn:** Bà Phùng Thị P; địa chỉ: Số nhà 256, đường Trần Phú, Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Phùng Thị P:

Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1953; địa chỉ: Căn hộ 1, tòa nhà T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt

Ông Phan Công H; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phan Công V; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Anh Phan Công V; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1953; địa chỉ: Căn hộ 11, tòa nhà B, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt

- Chị Phan Thị Thu S, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Anh Phan Công T, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của chị S, anh T: Ông Phan Công H; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Anh Phan Công H, sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh vụ án có nội dung như sau:

- **Ngân hàng T trình bày:** Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh - Phòng giao dịch H (gọi tắt là “Chi nhánh Hà Tĩnh”) và Bà Phùng Thị P đã ký kết các Hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018 với số tiền vay 1.395.000.000 đồng. Đã trả được 621.000.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại (tính đến ngày 30/3/2021) 774.000.000 đồng. Đã trả được 65.026.110 đồng tiền lãi. Dư nợ lãi (Tạm tính đến ngày 30/3/2021): 243.710.838 đồng. Phí trả chậm (Tạm tính đến ngày 30/3/2021 là 94.372.008 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018: Số tiền vay là 470.000.000 đồng. Đã trả được 122.000.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại (tính đến ngày 30/3/2021) 348.000.000 đồng. Dư nợ lãi (tạm tính đến ngày 30/3/2021) 95.134.696 đồng. Phí trả chậm (tạm tính đến ngày 30/3/2021) 27.292.964 đồng.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay, bà Phùng Thị P đã thế chấp tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Khối 10, phường B, Thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1064717 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 06/12/2011. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 059450 do Ủy ban nhân dân Thị xã H cấp ngày 22/06/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình sử dụng vốn, bà Phùng Thị P đã vi phạm cam kết trả nợ gốc, lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã gửi thông báo và nhiều lần làm việc với khách hàng vay và bên bảo đảm, đôn đốc khách hàng trả nợ, tuy nhiên đến nay khách hàng vay và bên bảo đảm không có thiện chí trong việc trả nợ Ngân hàng, các bên cũng không hợp tác bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phùng Thị P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng T (đại diện là Chi nhánh Hà Tĩnh) tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 1.122.000.000 đồng.
- + Nợ lãi: 478.410.041 đồng.
- + Lãi phạt quá hạn: 191.447.227 đồng.

Tổng cộng: 1.791.857.268 VND (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng) và lãi phát sinh đến thời điểm thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bà Phùng Thị P không trả được nợ, yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mãi hoặc đề nghị cơ quan thi hành án kê biên phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

**** Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày thống nhất như sau:***

Năm 2018, Bà Phùng Thị P có ký kết 02 Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh (phòng giao dịch H), cụ thể: Hợp đồng số 03/2018/4644157/HĐTD ký ngày 14/12/2018 và hợp đồng số 02/2018/4644157/HĐTD ký vào ngày 28/9/2018.

Tuy nhiên quá trình thực hiện 2 hợp đồng này thì bà P chưa lần nào nhận nợ và trả nợ mà người thụ hưởng số tiền vay trong 2 hợp đồng là ông Phan Công B, nhưng theo lời phản ánh của ông B thì ông B không nhận được số tiền như trong hợp đồng mà bà P ký, các chứng từ thanh toán tiền lãi và tiền gốc ông Phan Công H là người thanh toán.

Ngày 15/3/2011 ông Phan Công H có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV Hà Tĩnh với số tiền vay như trong hợp đồng là 1.500.000.000 đồng. Trong quá trình đó ông Hiền đã thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng đến tháng 3/2021.

Bà Phùng Thị P không có nghĩa vụ trả nợ theo như yêu cầu của Ngân hàng vì Ngân hàng không chứng minh được rằng bà P có ủy nhiệm chi bằng văn bản là chuyển số tiền mà ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản của ông Phan Công B, chỉ

có thể hiện trong Hợp đồng tín dụng mà thôi. Đối với hợp đồng thế chấp bất động sản được ký kết giữa Ngân hàng với ông Phan Công V và bà Phùng Thị P là vô hiệu vì khi ký kết hợp đồng thế chấp bất động sản mà các thành viên trong gia đình của ông V và bà P không tham gia ký vì đây là tài sản chung của hộ gia đình.

Ông Phan Công H cho rằng: ông Phan Công H ký hợp đồng tín dụng số 01/11/HĐ ngày 15/3/2011 vay Ngân hàng BIDV đến hạn chưa có khả năng thanh toán. Ông Hiền đã nhờ em là Phan Công V ký hợp đồng tín dụng số 01/2017/793121/HĐTD ngày 09/02/2017 vay để thay thế Hợp đồng tín dụng số 01/11/HĐ ngày 15/3/2011. Đến hạn trả nợ Hợp đồng tín dụng số 01/2017/793121/HĐTD ngày 09/02/2017 ông Hiền nhờ em dâu là Phùng Thị P ký hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 28/9/2018 và Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018 để thay thế hợp đồng số 01/2017/793121/HĐTD ngày 09/02/2017. Do đó khi thanh toán nợ gốc và lãi do ông Hiền trực tiếp nộp tiền lấy tên Phùng Thị P.

Với nội dung vụ án trên, Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy an thường vụ Quốc hội. Áp dụng khoản 1 Điều 299; khoản 6 Điều 320; Điều 465; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 12; 13; 15; 18; 20; 21 của Thông tư 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

1. Buộc bà Phùng Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh các khoản nợ sau: Nợ gốc: 1.122.000.000 đồng. Nợ lãi: 478.410.041 đồng. Lãi phạt quá hạn: 191.447.227 đồng. Tổng cộng: 1.791.857.268 VND (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2022) cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, bà Phùng Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018. Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Phùng Thị P không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh, thì Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án

dân sự thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng thế chấp bất động sản sau:

- Hợp đồng số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Hà Tĩnh ngày 06/3/2012, số công chứng 183, quyền số 01/2012 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Phòng tài nguyên và môi trường thị xã H 06/3/2012, giữa ông Phan Công V và bà Phùng Thị P với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

- Hợp đồng số 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 được công chứng tại Phòng công chứng Thành Sen, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 28/9/2018, số công chứng 1671, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐTC; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 29/8/2018, giữa ông Phan Công V và bà Phùng Thị P với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phùng Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phùng Thị P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 29/8/2018; Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018, được kí kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển với bà Phùng Thị P, phản ánh mục đích vay để trả tiền bia, nước ngọt, sữa bánh kẹo phục vụ mục đích kinh doanh, quá trình thu thập tài liệu chứng cứ về hoạt động kinh doanh của bà P tại cấp sơ thẩm không cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà Phùng Thị P nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về “Hợp đồng tín dụng” là có căn cứ.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Ngân hàng T chi nhánh Hà Tĩnh cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà Phùng Thị P có con dấu của phòng Tài chính - Kế hoạch Ủy ban nhân dân thị xã H, xét thấy việc thay đổi quan hệ tranh chấp không làm thay bản chất vụ án nên cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 5 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/06/2021, bị đơn bà Phùng Thị P, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công L có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào đơn đề nghị xử lý nợ ngày 18/12/2020 được ký kết giữa Ngân hàng T, chi nhánh Hà Tĩnh với ông Phan Công V, bà Phùng Thị P, các bên thỏa thuận phương án trả nợ “ trả nợ tối thiểu 15.000.000đồng/1 tháng, bắt đầu từ ngày 1/7/2020, chậm nhất là ngày 15/12/2020...”, như vậy, có căn cứ xác định thời điểm nguyên đơn biết quyền lợi của mình bị xâm hại kể từ ngày 1/7/2020, đến ngày 30/3/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Căn cứ quy định tại Điều 429 “thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại”, như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 8/4/2021, anh Phan Công V, sinh năm 1993, yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/12/HĐ ngày 6/3/2012; Hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐ ngày 28/9/2020, do ông Phan Công V, bà Phùng Thị P ký thế chấp với Ngân hàng T, với lý do tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình, nhưng tại Hợp đồng thế chấp không có chữ ký của 4 anh em (con ông V, bà P) nên hợp đồng vô hiệu. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 201 “yêu cầu độc lập của họ có liên quan đến vụ án đang được giải quyết”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu của anh Vũ không phải là yêu cầu độc lập là trái quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thửa đất thế chấp là tài sản ông V, bà P được tặng cho (Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 8/11/2011), là tài sản riêng của ông V, bà P, không phải là tài sản của hộ gia đình, nên yêu cầu độc lập của anh Vũ không có cơ sở được chấp nhận, dẫn đến việc Tòa án không thụ lý yêu cầu độc lập của anh Vũ không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của anh Vũ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh và bà Phùng Thị P đã thực hiện ký kết với nhau các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018 và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018. Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2022), bà Phùng Thị P còn nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh Hà Tĩnh với số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc: 1.122.000.000 đồng. Nợ lãi: 478.410.041 đồng; Lãi phạt quá hạn: 191.447.227 đồng. Tổng cộng: 1.791.857.268 VND (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng).

Để đảm bảo cho khoản tiền vay, bà Phùng Thị P và người liên quan đã thế chấp tài sản, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Khối 10, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1064717 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 06/12/2011 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 059450 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 22/06/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Phùng Thị P đã vi phạm cam kết trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng. Ngân hàng đã gửi thông báo và nhiều lần làm việc với khách hàng vay và bên bảo đảm, đôn đốc khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vay và bên bảo đảm không có thiện chí trong việc trả nợ Ngân hàng, các bên cũng không hợp tác bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý.

[2.3] Xét Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018, số tiền vay 1.395.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018, số tiền vay là 470.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng được soạn thảo bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của bên vay bà Phùng Thị P, đại diện Ngân hàng bà Phạm Thị Mai Hòa, hợp đồng được chứng thực tại Văn phòng công chứng hữu tài. Như vậy, hình thức hợp đồng đảm bảo đúng quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về nội dung hợp đồng: Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa bà Phùng Thị P và Ngân hàng T chi nhánh Hà Tĩnh là tự nguyện, khách quan. Thời điểm ký kết hợp đồng, bà Phùng Thị P có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Mục đích vay tiền nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh (trà tiền bia, nước ngọt, sữa, bánh kẹo phục vụ kinh doanh). Thời hạn vay Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018, là 11 tháng kể từ ngày 28/9/2018 đến ngày 28/8/2019; thời hạn vay đối với Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018, là 11 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Phương thức giải ngân là chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào số tài khoản thanh toán số 52110000186660 của ông Phan Công B (em chồng bị đơn). Tại biên bản làm việc ngày 07/07/2020, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển với bà Phùng Thị P (đại diện làm việc là ông Phan Công V - chồng bà P), ông V xác nhận số tiền dư nợ tính đến ngày 5/7/2020 là số tiền 2.076.614.205 đồng, ông Phan Công V cam kết trả các khoản nợ trên, nhưng đến ngày 30/3/2021, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển nộp đơn khởi kiện, bà Phùng Thị P vẫn chưa thanh toán được khoản nợ như đã cam kết nói trên.

Như vậy, hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018, và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018 đảm bảo tuân thủ quy định về hình thức và nội dung hợp đồng theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, cả hai bên đều thừa nhận các khoản nợ này phát sinh trên thực tế. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bị đơn cho rằng Tòa án thu lý vụ án khi nguyên đơn không cung cấp được chứng từ kế toán chứng minh quyền khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn về Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 và 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 được công chứng tại Phòng công chứng Thành Sen, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 28/9/2018, số công chứng 1671, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐTC, tài sản thế chấp, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Khối 10, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1064717 do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 06/12/2011. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh của bà Phùng Thị P và ông Phan Công V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 059450 do UBND thị xã H cấp ngày 22/06/2018. Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018, xét nội dung và hình thức hợp đồng thế chấp đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, cụ thể:

- Hình thức hợp đồng: Được lập thành văn bản, có chữ kí của bên thế chấp là chủ sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là ông Phan Công V, bà Phùng Thị P, việc kí kết có sự chứng kiến của Công chứng viên - Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Tài.

- Nội dung hợp đồng: Tại thời điểm kí kết ông Phan Công V, bà Phùng Thị P có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc kí kết là tự nguyện và hợp pháp, mục đích kí hợp đồng thế chấp tài sản nhằm mục đích để bà P thực hiện kí kết hợp đồng vay tài sản, phục vụ mục đích kinh doanh. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả nghĩa vụ liên quan khác đối với các khoản vay của bà Phùng Thị P tại Hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018, số tiền vay 1.395.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018, số tiền vay là 470.000.000 đồng. Do bà Phùng Thị P vi phạm thực hiện nghĩa vụ của hai hợp đồng tín dụng nêu trên, để thanh toán các khoản vay, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển yêu cầu Tòa án cho phép ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và sau phiên tòa sơ thẩm bị đơn kháng cáo cho rằng Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 và 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 được công chứng tại Phòng công chứng

Thành Sen, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 28/9/2018, số công chứng 1671, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐTC, vô hiệu vì tài sản thế chấp quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, việc kí kết hợp đồng thế chấp khi không có ý kiến của 4 người con ông V, bà P là trái quy định pháp luật, thấy rằng: Ngày 12/7/2022, văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H - Can Lộc có Công văn số 149/VPĐK trả lời như sau: Ông Phan Công V được UBND thị xã H giao đất theo Quyết định số 08(GP/UB) ngày 05/12/1997 với diện tích 126,0 m² và nhận chuyển nhượng 86,1m² (4,1m x 21,0m) của bà Phan Thị Hải Lý vào ngày 12/4/2004 (có hồ sơ kèm theo). Bên cạnh đó Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã H - Can Lộc có Công văn số 128/VPĐK ngày 21/6/2022 trả lời như sau: Căn cứ theo hồ sơ lưu trữ thì thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6, khối 10, phường B, thị xã H được UBND thị xã H cấp cho ông Phan Công V và bà Phùng Thị P thì thửa đất này của ông Phan Công V và bà Phùng Thị P được nhận tặng cho từ bố mẹ của ông Phan Công V là ông Phan Công Sỹ và bà Phan Thị Lan, do đó đây là tài sản riêng của ông Phan Công V, bà Phùng Thị P; Đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ 42 tại Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thị xã H cấp cho ông V, bà P, không mang tên hộ gia đình. Vì vậy, ông V, bà P có quyền thế chấp để vay vốn ngân hàng mà không cần có ý kiến của các con trong gia đình.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí, lệ phí:

- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBNTQH buộc bà Phùng Thị P phải chịu án kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định.

- Về lệ phí thẩm định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện nộp chi phí thẩm định tại chỗ của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 24, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Áp dụng khoản 1 Điều 299; khoản 6 Điều 320; Điều 465; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 12; 13; 15; 18; 20; 21

của Thông tư 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

1. Buộc bà Phùng Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh các khoản nợ sau:

Nợ gốc: 1.122.000.000 đồng; Nợ lãi: 478.410.041 đồng; Lãi phạt quá hạn: 191.447.227 đồng. Tổng cộng: 1.791.857.268 VND (Bằng chữ: Một tỷ bảy trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng) tính đến ngày xét xử (ngày 26/7/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2022) cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên, bà Phùng Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 02/2018/4644157/HĐTD ngày 28/09/2018. Hợp đồng tín dụng số 03/2018/4644157/HĐTD ngày 14/12/2018.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà Phùng Thị P không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh, thì Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng thế chấp bất động sản sau:

- Hợp đồng số 01/12/HĐ ngày 06/3/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Hà Tĩnh ngày 06/3/2012, số công chứng 183, quyền số 01/2012 TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Phòng tài nguyên và môi trường thị xã H 06/3/2012, giữa ông Phan Công V và bà Phùng Thị P với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

- Hợp đồng số 01/2018/4644157/HĐBĐ ngày 28/9/2018 được công chứng tại Phòng công chứng Thành Sen, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 28/9/2018, số công chứng 1671, quyền số 01/2018 TP/CC-SCC/HĐTC; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh ngày 29/8/2018, giữa ông Phan Công V và bà Phùng Thị P với Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh.

3. Về án phí, lệ phí:

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Phùng Thị P phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 65.755.718 đồng. Trả lại cho Ngân hàng T - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001437 ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Phùng Thị P phải nộp 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng mà bà Phùng Thị P đã nộp theo Biên lai số 0004310 ngày 04/8/2022 tại Chi cục Thi hành

án Dân sự thị xã H. Bà Phùng Thị P còn phải nộp tiếp số tiền 1.700.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện nộp số tiền 11.428.000 đồng lệ phí thẩm định tại chỗ của Ngân hàng T chi nhánh Hà Tĩnh. Trả lại cho Ngân hàng số tiền còn lại 18.572.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, THA sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền